

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển  
(nguồn vốn của tỉnh) năm 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển Ngân sách nhà nước năm 2016 (Nguồn vốn của tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển nguồn đối với nguồn vốn ĐTPT năm 2015 sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện;

Căn cứ Quyết định 2663/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển nguồn đối với nguồn vốn ĐTPT năm 2015 sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện (đợt 2);

Căn cứ Quyết định 2839/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 98/TTr-SKHĐT ngày 30/9/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển (nguồn vốn của tỉnh) năm 2016, cụ thể như sau:

1. Đối với kế hoạch vốn ĐTPT năm 2016:

a) Vốn Đầu tư tập trung:

- Điều chỉnh giảm 980.133 nghìn đồng đối với các dự án hết khối lượng thanh toán để bố trí trả nợ KLHT cho 07 dự án hoàn thành.

- Phân khai chi tiết kế hoạch vốn năm 2016 để triển khai thực hiện đối với Dự án phát triển giáo dục THPT giai đoạn 2.

b) Vốn Cấp quyền sử dụng đất:

- Điều chỉnh giảm 3.615.277 nghìn đồng đối với các dự án hết khối lượng thanh toán để bố trí trả nợ KLHT cho 09 dự án.

- Phân khai chi tiết kế hoạch vốn năm 2016 để triển khai thực hiện đối với Dự án: Cải tạo môi trường cảnh quan; xây dựng tuyến đường nội bộ phía Nam ven chân đồi và San lấp mặt bằng xây dựng nhà suy ngẫm thuộc công trình Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành.

c) Vốn Xổ số kiến thiết:

- Điều chỉnh giảm 2.978.267 nghìn đồng đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đã hết khối lượng thanh toán chuyển sang trả nợ KLHT cho 12 dự án cũng trong lĩnh vực giáo dục.

- Phân khai chi tiết kế hoạch vốn năm 2016 để triển khai thực hiện hết kế hoạch đối với các trường mẫu giáo trên địa bàn huyện An Lão.

- Phân khai chi tiết kế hoạch vốn năm 2016 để triển khai thực hiện hết kế hoạch đối với dự án: Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (đồi Mười).

d) Vốn vay ngân hàng phát triển Việt Nam: Điều chỉnh giảm 1.270.000 nghìn đồng từ dự án Kiên cố hóa kênh mương An Thành (dự án này đã được huyện Tuy Phước bố trí ngân sách vượt thu cuối năm 2015 của địa phương để thanh toán cho công trình, do đó không có khối lượng để thực hiện hết kế hoạch đã giao năm 2016) sang bố trí cho dự án Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Điều trị, huyện Tuy Phước để khẩn trương thực hiện trước mùa mưa bão năm 2016.

e) Vốn vay tồn ngân KBNN: Điều chỉnh giảm 3.054.642 nghìn đồng đối với dự án hết khối lượng thanh toán chuyển sang trả nợ KLHT cho 02 dự án.

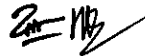
2. Đối với nguồn vốn chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện:

a) Vốn Cấp quyền sử dụng đất chuyển nguồn: Điều chỉnh giảm 461.121 nghìn đồng đối với các dự án hết khối lượng thanh toán sang bố trí trả nợ KLHT cho 02 dự án phần ngân sách tỉnh còn nợ.

b) Nguồn 50% tăng thu NSDP (QĐ 4621 và QĐ 4078): Điều chỉnh giảm 238.359 nghìn đồng đối với dự án thuộc lĩnh vực Y tế đã hết khối lượng thanh toán chuyển sang trả nợ KLHT 02 dự án cũng trong lĩnh vực Y tế.

(Phụ lục chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh một phần Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015, Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 19/5/2016, Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 và Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.

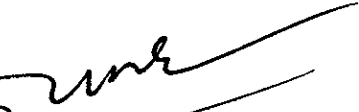
**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

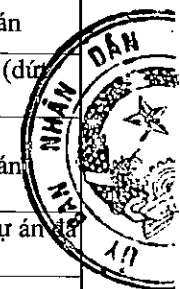


  
Hồ Quốc Dũng

Phụ lục  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016**  
**(NGUỒN VỐN CỦA TỈNH)**  
(Kèm theo Quyết định số **3644** /QĐ-UBND ngày **12** / **10** /2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: nghìn đồng

| STT      | Danh mục/hạng mục                                                                                                           | KH vốn năm 2016 | Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-) | Kế hoạch vốn sau điều chỉnh | Chủ đầu tư                 | Ghi chú                                         |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>*</b> | <b>DANH MỤC DỰ ÁN GIAO KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2016</b>                                                                            |                 |                                |                             |                            |                                                 |
| <b>A</b> | <b>VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG</b>                                                                                                 |                 |                                |                             |                            |                                                 |
|          | <i>Điều chỉnh giảm</i>                                                                                                      |                 | <b>-980.133</b>                |                             |                            |                                                 |
| 1        | Trường THCS Phước An                                                                                                        | 300.000         | -85.594                        | 214.406                     | UBND huyện Tuy Phước       | Hết Khối lượng thanh toán                       |
| 2        | Trường Tiểu học số 2 Hoài Tân                                                                                               | 700.000         | -11.905                        | 688.095                     |                            | Hết Khối lượng thanh toán                       |
| 3        | Chương trình Phát triển giáo dục trung học (Trung tâm GDTX-HN Vĩnh Thạnh và Trung tâm GDTX - HN An Lão)                     | 558.000         | -50.000                        | 508.000                     | Sở GD&ĐT                   | Hết Khối lượng thanh toán                       |
| 4        | Bê tông kênh mương tưới tiêu xã Vĩnh Hào                                                                                    | 300.000         | -36.138                        | 263.862                     | UBND huyện Vĩnh Thạnh      | Hết Khối lượng thanh toán (đúng điểm)           |
| 5        | Trạm kiểm soát Biên phòng Đê Gi - thuộc đồn Biên phòng 316                                                                  | 1.000.000       | -237.395                       | 762.605                     | BCH Bộ đội biên phòng tỉnh | Hết Khối lượng thanh toán                       |
| 6        | Dự án khôi phục rừng và Quản lý rừng bền vững (kfw6)                                                                        | 400.000         | -142.000                       | 258.000                     | Sở NN&PTNT                 | Hết Khối lượng thanh toán (dự án đã quyết toán) |
| 7        | Sửa chữa nhà làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                 | 550.000         | -417.101                       | 132.899                     | Sở Kế hoạch và Đầu tư      | Hết KLHT (Đã quyết toán dự án hoàn thành)       |
|          | <i>Điều chỉnh tăng</i>                                                                                                      |                 | <b>980.133</b>                 |                             |                            |                                                 |
| 1        | Trường mầm non Phước Hòa                                                                                                    | 0               | 97.499                         | 97.499                      | UBND huyện Tuy Phước       | Trả nợ KLHT                                     |
| 2        | Nhà học 10 phòng- Trường THPT Trần Quang Diệu huyện Hoài Ân thuộc dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2 | 0               | 50.000                         | 50.000                      | Sở GD&ĐT                   | Trả nợ KLHT                                     |
| 3        | Bê tông kênh mương nội đồng xã Vĩnh Quang                                                                                   | 0               | 36.138                         | 36.138                      | UBND huyện Vĩnh Thạnh      | Trả nợ Quyết toán DA hoàn thành                 |
| 4        | Tường rào cơ quan chỉ huy BDBP tỉnh Bình Định                                                                               | 0               | 24.936                         | 24.936                      | BCH BDBP                   | Trả nợ KLHT                                     |
| 5        | Trạm biên phòng cửa khẩu cảng Quy Nhơn                                                                                      | 2.000.000       | 212.459                        | 2.212.459                   | BCH BDBP                   | Trả nợ KLHT                                     |
| 6        | Nhà làm việc BQL rừng đặc dụng An Toàn                                                                                      | 0               | 142.000                        | 142.000                     | Sở NN&PTNT                 | Trả nợ KLHT                                     |
| 7        | Trường mẫu giáo Hoài Hải                                                                                                    |                 | 417.101                        | 1.417.101                   | UBND huyện Hoài Nhơn       | Trả nợ KLHT                                     |
|          | <b>PHÂN KHAI CHI TIẾT KẾ HOẠCH</b>                                                                                          |                 |                                |                             |                            |                                                 |
| 1        | Dự án phát triển giáo dục THPT giai đoạn 2                                                                                  | 250.000         |                                | 250.000                     | Sở GD&ĐT                   |                                                 |
|          | Trong đó:                                                                                                                   |                 |                                |                             |                            |                                                 |



*DUL*

| STT      | Danh mục/hạng mục                                                                                                                                                | KH vốn năm 2016 | Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-) | Kế hoạch vốn sau điều chỉnh | Chủ đầu tư           | Ghi chú                                                                                                               |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| -        | Nhà học 15 phòng-Trường THPT Cát Thành huyện Phù Cát (Điểm lẻ Trường THPT số 2 Phù Cát) thuộc dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2          | 0               |                                | 85.000                      | Sở GD&ĐT             |                                                                                                                       |
| -        | Nhà học 09 phòng- Trường THPT Tuy Phước 2 (cơ sở 2) huyện Tuy Phước thuộc dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2                              | 0               |                                | 85.000                      | Sở GD&ĐT             |                                                                                                                       |
| -        | Nhà học 09 phòng- Trường THPT Mỹ Tho huyện Phù Mỹ thuộc dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2                                                | 0               |                                | 80.000                      | Sở GD&ĐT             |                                                                                                                       |
| <b>B</b> | <b>VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                                                                 |                 |                                |                             |                      |                                                                                                                       |
|          | <b>Điều chỉnh giảm</b>                                                                                                                                           |                 | <b>-3.615.277</b>              |                             |                      |                                                                                                                       |
| 1        | Đê ngăn mặn từ Dốc Gành đến cầu Ngòi - Cát Khánh                                                                                                                 | 1.200.000       | -357.000                       | 843.000                     | UBND huyện Phù Cát   | Hết Khối lượng thanh toán                                                                                             |
| 2        | Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đô thị và lắp đặt hệ thống chiếu sáng sân vận động Vân Canh                                                                      | 1.500.000       | -692.298                       | 807.702                     | UBND huyện Vân Canh  | Hết Khối lượng thanh toán                                                                                             |
| 3        | Dự án đầu tư tu bổ đê điều thường xuyên tỉnh Bình Định (Đê khu đông)                                                                                             | 500.000         | -500.000                       | 0                           | Sở NN&PTNT           | Không có KLHT vì không đảm bảo an toàn vượt lũ do Bộ NN&PTNT chưa thông báo vốn                                       |
| 4        | Đường Nguyễn Tất Thành nối dài                                                                                                                                   | 602.000         | -265.979                       | 336.021                     | Sở GTVT              | Dứt điểm (Hết khối lượng thanh toán)                                                                                  |
| 5        | Khoa khám Trung cao                                                                                                                                              | 1.000.000       | -1.000.000                     | 0                           | Sở Y tế              | Không có khối lượng thanh toán                                                                                        |
| 6        | Bệnh viện phục hồi chức năng (xây dựng hệ thống xử lý nước thải)                                                                                                 | 800.000         | -800.000                       | 0                           | Sở Y tế              | Không có khối lượng thanh toán                                                                                        |
|          | <b>Điều chỉnh tăng</b>                                                                                                                                           |                 | <b>3.615.277</b>               |                             |                      |                                                                                                                       |
| 1        | Đập dâng Toi Đó, Sơn Lãnh, xã Cát Sơn                                                                                                                            | 0               | 357.000                        | 357.000                     | UBND huyện Phù Cát   | Trả nợ KLHT                                                                                                           |
| 2        | Cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn. Gói thầu B03-XL: Xây lắp, cung cấp thiết bị trạm bơm giếng, ĐZ 22KV, TBA và ĐZ 0,4KV khu khai thác nước | 0               | 152.000                        | 152.000                     | Sở NN&PTNT           | Trả nợ KLHT                                                                                                           |
| 3        | Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Hoài Nhơn - Vốn đối ứng của Tỉnh                                                                                                | 0               | 207.000                        | 207.000                     | UBND huyện Hoài Nhơn | Trả nợ KLHT                                                                                                           |
| 4        | Vườn ươm giống cây ngập mặn                                                                                                                                      | 1.500.000       | 158.000                        | 1.658.000                   | Sở NN&PTNT           | Trả nợ KLHT                                                                                                           |
| 5        | Khu HL và khu CX1 thuộc công trình mở rộng khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ, TP Quy Nhơn                                                                 | 0               | 175.298                        | 175.298                     | TTPT Quỹ Đất         | Trả nợ KLHT                                                                                                           |
| 6        | Sửa chữa trụ sở Hạt kiểm lâm huyện Tây Sơn                                                                                                                       | 0               | 200.000                        | 200.000                     | Sở NN&PTNT           | Vốn huyện đã bố trí kinh phí thực hiện trong năm 2015 và đã xây dựng hoàn thành. Do đó phần NST bố trí để Trả nợ KLHT |
| 7        | Nhà làm việc BQL rừng đặc dụng An Toàn                                                                                                                           | 200.000         | 300.000                        | 500.000                     | Sở NN&PTNT           | Trả nợ KLHT                                                                                                           |

| STT      | Danh mục/hạng mục                                                                                                                                                                            | KH vốn năm 2016 | Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-) | Kế hoạch vốn sau điều chỉnh | Chủ đầu tư                       | Ghi chú                              |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| 8        | Đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ cổng đến nhà ga sân bay)                                                                                                                                  | 0               | 265.979                        | 265.979                     | Sở GTVT                          | Trả nợ KLHT                          |
| 9        | Bệnh viện Y học Cổ truyền                                                                                                                                                                    | 0               | 1.800.000                      | 1.800.000                   | Sở Y tế                          | Trả nợ KLHT                          |
|          | <b>PHÂN KHAI CHI TIẾT KẾ HOẠCH</b>                                                                                                                                                           |                 |                                |                             |                                  |                                      |
| 1        | Cải tạo môi trường cảnh quan; xây dựng tuyến đường nội bộ phía Nam ven chân đồi và San lấp mặt bằng xây dựng nhà suy ngẫm thuộc công trình Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành | 2.000.000       |                                | 2.000.000                   |                                  |                                      |
| 1.1      | Cải tạo môi trường cảnh quan - TT QT KH và GDLN (ICSE)                                                                                                                                       | 0               |                                | 750.000                     | Sở Khoa học và Công nghệ         |                                      |
| 1.2      | xây dựng tuyến đường nội bộ phía Nam ven chân đồi và San lấp mặt bằng xây dựng nhà suy ngẫm thuộc công trình Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành                               | 0               |                                | 1.250.000                   | BQL DA các Công trình trọng điểm |                                      |
| <b>C</b> | <b>VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT</b>                                                                                                                                                                  |                 |                                |                             |                                  |                                      |
|          | <b>Điều chỉnh giảm</b>                                                                                                                                                                       |                 | <b>-2.978.267</b>              |                             |                                  |                                      |
| 1        | Trường mầm non Phước Thuận                                                                                                                                                                   | 312.000         | -290.667                       | 21.333                      | UBND huyện Tuy Phước             | Hết Khối lượng thanh toán (Dứt điểm) |
| 2        | Trường mầm non Phước Thắng                                                                                                                                                                   | 100.000         | -83.208                        | 16.792                      | UBND huyện Tuy Phước             | Hết Khối lượng thanh toán (Dứt điểm) |
| 3        | Trường mầm non Phước An                                                                                                                                                                      | 215.000         | -190.474                       | 24.526                      | UBND huyện Tuy Phước             | Hết Khối lượng thanh toán (Dứt điểm) |
| 4        | Trường mầm non Phước Hiệp                                                                                                                                                                    | 108.000         | -108.000                       | 0                           | UBND huyện Tuy Phước             | Hết Khối lượng thanh toán (Dứt điểm) |
| 5        | Trường mầm non Phước Quang                                                                                                                                                                   | 216.000         | -59.182                        | 156.818                     | UBND huyện Tuy Phước             | Hết Khối lượng thanh toán (Dứt điểm) |
| 6        | Trường mầm non Phước Hòa                                                                                                                                                                     | 213.000         | -191.120                       | 21.880                      | UBND huyện Tuy Phước             | Hết Khối lượng thanh toán (Dứt điểm) |
| 7        | Trạm Y tế xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn                                                                                                                                                      | 1.300.000       | -12.411                        | 1.287.589                   | UBND huyện Hoài Nhơn             | Hết Khối lượng thanh toán            |
| 8        | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú An Lão ( HM: Nhà lớp học bộ môn; Nhà hiệu bộ - Năm 2012 )                                                                                                   | 585.000         | -384.000                       | 201.000                     | Sở GD&ĐT                         | Hết Khối lượng thanh toán            |
| 9        | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Hoài Ân ( HM: Nhà lớp học bộ môn; Nhà hiệu bộ - Năm 2012 )                                                                                                  | 245.000         | -146.000                       | 99.000                      | Sở GD&ĐT                         | Hết Khối lượng thanh toán            |
| 10       | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh ( HM: Nhà lớp học bộ môn; Nhà công vụ giáo viên 06 phòng - Năm 2012 )                                                                            | 504.000         | -303.000                       | 201.000                     | Sở GD&ĐT                         | Hết Khối lượng thanh toán            |
| 11       | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Văn Canh ( HM: Nhà ở học sinh 02 tầng 16 phòng; Nhà hiệu bộ; Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng - Năm 2012 )                                                      | 700.000         | -399.000                       | 301.000                     | Sở GD&ĐT                         | Hết Khối lượng thanh toán            |
| 12       | Trường THPT An Nhơn 3, Trường THPT Hòa Bình và Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo ( HM: Nhà vệ sinh )                                                                                               | 58.000          | -1.000                         | 57.000                      | Sở GD&ĐT                         | Hết Khối lượng thanh toán            |

*DN*

| STT                                             | Danh mục/hạng mục                                                                                                                      | KH vốn năm 2016 | Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-) | Kế hoạch vốn sau điều chỉnh | Chủ đầu tư           | Ghi chú                   |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------------|
| 13                                              | Trường THPT Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ (HM: San nền, Nhà vệ sinh, tường rào cổng ngõ, Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng (02 dãy) và Nhà hiệu bộ)  | 733.000         | -429.000                       | 304.000                     | Sở GD&ĐT             | Hết Khối lượng thanh toán |
| 14                                              | Trường THPT Phù Cát 3, huyện Phù Cát (HM: Nhà lớp học bộ môn)                                                                          | 444.000         | -132.000                       | 312.000                     | Sở GD&ĐT             | Hết Khối lượng thanh toán |
| 15                                              | Xây dựng mới Nhà Văn hóa xã Bình Tường                                                                                                 | 900.000         | -249.205                       | 650.795                     | UBND huyện Tây Sơn   | Hết Khối lượng thanh toán |
| <b>Điều chỉnh tăng</b>                          |                                                                                                                                        |                 | <b>2.978.267</b>               |                             |                      |                           |
| 1                                               | Trường mầm non thị trấn Diêu Trì                                                                                                       | 74.000          | 142.000                        | 216.000                     | UBND huyện Tuy Phước | Trả nợ KLHT (dứt điểm)    |
| 2                                               | Trường mầm non Phước Hưng                                                                                                              | 600.000         | 408.000                        | 1.008.000                   | UBND huyện Tuy Phước | Trả nợ KLHT (dứt điểm)    |
| 3                                               | Trường mầm non Phước Hòa                                                                                                               | 600.000         | 385.062                        | 985.062                     | UBND huyện Tuy Phước | Trả nợ KLHT (dứt điểm)    |
| 4                                               | Trường THPT Nguyễn Trần, huyện Hoài Nhơn (HM: Nhà lớp học bộ môn)                                                                      | 1.800.000       | 23.000                         | 1.823.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 5                                               | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Văn Canh (HM: Nhà lớp học bộ môn + phòng chức năng - Năm 2013)                                        | 956.000         | 200.000                        | 1.156.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 6                                               | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh (HM: Nhà ở học sinh 02 tầng 20 phòng - Năm 2013)                                           | 1.584.000       | 404.000                        | 1.988.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 7                                               | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Bình Định (HM: Nhà lớp học bộ môn - Năm 2013)                                                    | 1.500.000       | 205.000                        | 1.705.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 8                                               | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú An Lão (HM: Nhà đa năng; Nhà vệ sinh - Năm 2013)                                                      | 1.460.000       | 237.000                        | 1.697.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 9                                               | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Hoài Ân (HM: Nhà đa năng; Cải tạo, mở rộng Nhà ăn cho học sinh nội trú; Hệ thống cấp nước - Năm 2013) | 1.400.000       | 210.000                        | 1.610.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 10                                              | Trường THPT Quang Trung, huyện Tây Sơn                                                                                                 | 1.000.000       | 215.000                        | 1.215.000                   | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 11                                              | Sửa chữa Trường Quốc Học, Quy Nhơn                                                                                                     | 500.000         | 300.000                        | 800.000                     | Sở GD&ĐT             | Trả nợ KLHT               |
| 12                                              | Trường THCS Tây Phú (nhà lớp học bộ môn 2 tầng)                                                                                        | 500.000         | 249.205                        | 749.205                     | UBND huyện Tây Sơn   | Trả nợ KLHT               |
| <b>PHÂN KHAI CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHO GIÁO DỤC</b> |                                                                                                                                        |                 |                                |                             |                      |                           |
| 1                                               | Mẫu giáo xã An Vinh                                                                                                                    | 300.000         |                                | 300.000                     | UBND huyện An Lão    |                           |
| -                                               | Mẫu giáo xã An Vinh (HM: xây dựng mới 01 phòng học thôn 1)                                                                             | 0               |                                | 300.000                     | UBND huyện An Lão    |                           |
| -                                               | Mẫu giáo An Tân (HM: xây dựng mới 01 phòng học thôn Tân An; xây dựng mới 01 phòng học thôn Thuận Hòa)                                  | 0               |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                           |

ĐH

| STT      | Danh mục/hạng mục                                                                                    | KH vốn năm 2016 | Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-) | Kế hoạch vốn sau điều chỉnh | Chủ đầu tư           | Ghi chú                                                                   |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 2        | Mẫu giáo xã An Hưng (2 thôn)                                                                         | 500.000         |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| -        | Mẫu giáo An Hưng (HM: xây dựng mới 01 phòng học thôn 4; xây dựng mới 01 phòng học thôn 5)            | 0               |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| 3        | Mẫu giáo xã An Trung                                                                                 | 500.000         |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| -        | Mẫu giáo xã An Trung (HM: xây dựng mới 01 phòng học thôn 3; xây dựng mới 01 phòng học thôn 5)        | 0               |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| 4        | Mẫu giáo xã An Quang                                                                                 | 300.000         |                                | 300.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| -        | Mẫu giáo xã An Quang (HM: xây dựng mới 01 phòng học thôn 5)                                          | 0               |                                | 300.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| 5        | Mẫu giáo xã An Nghĩa                                                                                 | 300.000         |                                | 300.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| -        | Mẫu giáo xã An Nghĩa (HM: xây dựng mới 01 phòng học thôn 3)                                          | 0               |                                | 300.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| 6        | Mẫu giáo xã An Toàn                                                                                  | 500.000         |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
| -        | Mẫu giáo xã An Toàn (HM: xây dựng mới 01 phòng học tại thôn 1; xây dựng mới 01 phòng học tại thôn 3) | 0               |                                | 500.000                     | UBND huyện An Lão    |                                                                           |
|          | <b>PHÂN KHAI CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHO NGÀNH LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>                         |                 |                                |                             |                      |                                                                           |
|          | Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đôi Mười)                                                      | 500.000         |                                | 500.000                     | UBND huyện Hoài Nhơn |                                                                           |
|          | Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đôi Mười) - Hạng mục: san nền                                  | 0               |                                | 353.000                     | UBND huyện Hoài Nhơn |                                                                           |
|          | Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đôi Mười) - Hạng mục: Lát gạch BLOOK sân sau                   | 0               |                                | 147.000                     | UBND huyện Hoài Nhơn |                                                                           |
| <b>D</b> | <b>VỐN VAY NHPT VIỆT NAM</b>                                                                         |                 |                                |                             |                      |                                                                           |
|          | <i>Điều chỉnh giảm</i>                                                                               |                 | <b>-1.270.000</b>              |                             |                      |                                                                           |
| 1        | Kiên cố hóa kênh mương An Thành                                                                      | 1.270.000       | -1.270.000                     | 0                           | UBND huyện Tuy Phước | Huyện Tuy Phước đã bố trí từ nguồn vượt thu của huyện cuối năm 2015       |
|          | <i>Điều chỉnh tăng</i>                                                                               |                 | <b>1.270.000</b>               |                             |                      |                                                                           |
| 1        | Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Diêu Trì                                                             | 0               | 1.270.000                      | 1.270.000                   | UBND huyện Tuy Phước | VB 966/UBND-KTN ngày 23/3/2016 của UBND tỉnh về chủ trương cho điều chỉnh |
| <b>E</b> | <b>VAY TÒN NGÂN KHO BẠC NHÀ NƯỚC</b>                                                                 |                 |                                |                             |                      |                                                                           |
|          | <i>Điều chỉnh giảm</i>                                                                               |                 | <b>-3.054.642</b>              |                             |                      |                                                                           |

*ĐV*

| STT       | Danh mục/hạng mục                                                                        | KH vốn năm 2016 | Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-) | Kế hoạch vốn sau điều chỉnh | Chủ đầu tư            | Ghi chú                                         |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|
| 1         | Đường tỉnh lộ ĐT 638 (Điều trị - Mục Thịnh)                                              | 5.000.000       | -3.054.642                     | 1.945.358                   | Sở GTVT               | Hết khối lượng thanh toán                       |
|           | <b>Điều chỉnh tăng</b>                                                                   |                 | <b>3.054.642</b>               |                             |                       |                                                 |
| 1         | Xây dựng cầu Bà Chua, cầu Suối Muồng trên tuyến ĐT638 (Điều trị - Mục Thịnh)             | 0               | 1.641.000                      | 1.641.000                   | Sở GTVT               | Trả nợ dứt điểm                                 |
| 2         | Nhà làm việc Sở Giao thông vận tải                                                       | 0               | 1.413.642                      | 1.413.642                   | Sở GTVT               | Trả nợ KLHT                                     |
| <b>**</b> | <b>NGUỒN VỐN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2015 SANG NĂM 2016 ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN</b>               |                 |                                |                             |                       |                                                 |
| <b>A</b>  | <b>VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN NGUỒN</b>                                            |                 |                                |                             |                       |                                                 |
|           | <b>Điều chỉnh giảm</b>                                                                   |                 | <b>-461.121</b>                |                             |                       |                                                 |
| 1         | Nhà bia Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đồi Mười)                                  | 200.000         | -160.000                       | 40.000                      | UBND huyện Hoài Nhơn  | VB số 495/UBND-VX ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh |
| 2         | Trạm y tế xã cát Tường                                                                   | 18.245          | -18.245                        | 0                           | UBND huyện Phù Cát    | Vốn chuyển nguồn                                |
| 3         | Trạm y tế thị trấn Vĩnh Thạnh                                                            | 30.232          | -30.232                        | 0                           | UBND huyện Vĩnh Thạnh | Vốn chuyển nguồn                                |
| 4         | Xây dựng Trung tâm CNTT tỉnh                                                             | 100.000         | -100.000                       | 0                           | Sở TTTT               | Vốn chuyển nguồn                                |
| 5         | Đầu tư trang thiết bị Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm Bình Định (giai đoạn 2016-2020) | 50.000          | -50.000                        | 0                           | Sở KH&CN              | Vốn chuyển nguồn                                |
| 6         | Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN giai đoạn 2016-2020                 | 50.000          | -50.000                        | 0                           | Sở KH&CN              | Vốn chuyển nguồn                                |
| 7         | Cải tạo sửa chữa Nhà làm việc Trung tâm đa liệu                                          | 50.000          | -50.000                        | 0                           | Sở Y tế               | Vốn chuyển nguồn                                |
| 8         | Trụ sở Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch                                                    | 994             | -994                           | 0                           | Sở VH, TT, DL         | Vốn chuyển nguồn                                |
| 9         | Trường cao đẳng nghề Quy Nhơn (Tuồng rào cổng ngõ, sân BTXM, khu vệ sinh)                | 1.650           | -1.650                         | 0                           | Trường CĐ nghề        | Vốn chuyển nguồn                                |
|           | <b>Điều chỉnh tăng</b>                                                                   |                 | <b>461.121</b>                 |                             |                       |                                                 |
| 1         | Sân nền nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đồi 10)                                    | 0               | 160.000                        | 160.000                     | UBND huyện Hoài Nhơn  | Thanh, quyết toán dự án hoàn thành              |
| 2         | Trường mẫu giáo Hoài Hải                                                                 | 0               | 301.121                        | 301.121                     | UBND huyện Hoài Nhơn  | Trả nợ KLHT                                     |
| <b>B</b>  | <b>NGUỒN 50% TĂNG THU NSDP (QĐ 4621 và QĐ 4078)</b>                                      |                 |                                |                             |                       |                                                 |
|           | <b>Điều chỉnh giảm</b>                                                                   |                 | <b>-238.359</b>                |                             |                       |                                                 |
| 1         | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo khoa nội tiêu hóa          | 238.359         | -238.359                       | 0                           | Bệnh viện ĐK tỉnh     | Hết Khối lượng thanh toán                       |
|           | <b>Điều chỉnh tăng</b>                                                                   |                 | <b>238.359</b>                 |                             |                       |                                                 |
| 1         | Cải tạo, sửa chữa khu nhà mổ (cũ) và khu nhà Khoa Nội thận lọc máu                       | 0               | 157.778                        | 157.778                     | Bệnh viện ĐK tỉnh     | Trả nợ KLHT                                     |

| STT | Danh mục/hạng mục                          | KH vốn<br>năm 2016 | Điều chỉnh:<br>tăng (+),<br>giảm (-) | Kế hoạch<br>vốn sau<br>điều chỉnh | Chủ đầu tư           | Ghi chú     |
|-----|--------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|-------------|
| 2   | Sửa chữa, cải tạo Khoa Hồi sức cấp cứu Nội | 0                  | 80.581                               | 80.581                            | Bệnh viện ĐK<br>tỉnh | Trả nợ KLHT |
|     |                                            |                    |                                      |                                   |                      |             |

*BM*